# B 150 R + D 75

Máy chà sàn ngồi lái dùng pin B 150 R + D75 có 2 bàn chải dạng đĩa (75 cm) và bình chứa 150L. Thiết kế máy gọn phù hợp cho diện tích chà trung bình (2500 đến 5000 m2).




Made in Germany

DOSE

EASY·Operation

CONFIGURABLE

| Mã đặt hàng | 1.246-020.2 |
|---|---|

- Thiết kế gọn và nhanh
- Nút xoay vận hành EASY Operation
- Thiết bị định lượng chất tẩy DOSE

## Thông số kỹ thuật

| | | |
|---|---|---|
| | | 4039784972452 |
| **Loại truyền động** | | Pin Ắc-quy |
| **Bề rộng vận hành của bàn chải** | **mm** | 750 |
| **Bề rộng vận hành thanh hút** | **mm** | 950 |
| **Bình nước sạch/bẩn** | **l** | 150 / 150 |
| **Pin Ắc-quy** | **V** | 36 |
| **Thời gian sử dụng pin** | **h** | Tối đa 5 |
| **Điện áp (nguồn cấp cho bộ sạc pin)** | **V** | 100 – 240 |
| **Tần số đầu vào (của bộ sạc)** | **Hz** | 50 – 60 |
| **Khả năng leo dốc** | **%** | 10 |
| **Tốc độ bàn chải** | **rpm** | 180 |
| **Áp lực tiếp xúc của bàn chải** | **g/cm²** | 46 |
| **Mức tiêu thụ nước** | **l/min** | Tối đa 7 |
| **Độ ồn** | **dB(A)** | 61 |
| **Công suất** | **W** | lên đến 2200 |
| **Tổng trọng lượng cho phép** | **Kg** | 957 |
| **Trọng lượng chưa gắn phụ kiện** | **Kg** | 560 |
| **Kích thước (D × R × C)** | **mm** | 1790 × 1080 × 1410 |

**Thiết bị cần được tư vấn chuyên sâu**

## Phạm vi cung cấp

**Bàn chải đĩa**: 2 Unit

**Ắc-quy và bộ sạc theo máy được bao gồm**

**Chổi biên**

## Thiết bị

**Bộ truyền động dạng kéo**

**Ngắt nước tự động**

**DOSE – hệ thống tự định lượng**

**Van Solenoid**

**Hệ thống bình kép**



### Hệ thống chìa khóa KIK thông minh

- Tăng cường bảo vệ khỏi sự vận hành sai
- Giảm thiểu chi phí bảo trì
- Phù hợp tối ưu với các nhiệm vụ làm sạch cá nhân mà không làm người dùng bị quá tải.



### Tự động làm đầy (tùy chọn)

- Tự động làm đầy ngăn chứa nước sạch
- Nối trực tiếp với ống dẫn nước sạch và quá trình làm đầy sẽ tự động ngắt khi bồn đầy



### Có thể chọn lựa giữa bốn loại ắc-quy

- Các loại pin: không cần bảo dưỡng với 36 V/ 180 Ah, ít bảo dưỡng với 36 V/ 180 Ah, không cần bảo dưỡng với 36 V/ 240 Ah, ít bảo dưỡng với 36 V/ 240 Ah.

B 150 R + D 75, 1.246-020.2, 2026-10-30

# CÁC KHÍA CẠNH BỀN VỮNG CỦA B 150 R + D 75 1.246-020.2

Các khía cạnh về tính bền vững của Beyond Cleaning

**DOSE (hệ thống định lượng chất tẩy rửa)**

# PHỤ KIỆN CHO B 150 R + D 75
# 1.246-020.2

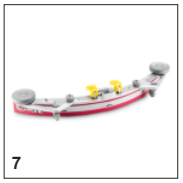

1

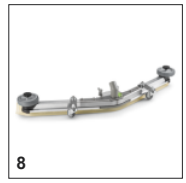

2


3


4


5


7

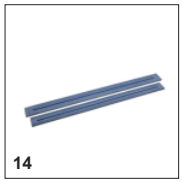

8


9


10–11


12


13


14

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **BÀN CHẢI ĐĨA CHO BD** | | | | |
| Bàn chải đĩa, trung bình, Đỏ, 385 mm | 1 | 4.905-018.0 | Chổi đĩa cứng trung bình (385 mm) phiên bản màu đỏ cho tất cả các ứng dụng làm sạch thông thường. Cũng thích hợp cho các sàn nhạy cảm. | ■ |
| Bàn chải đĩa, rất mềm, Trắng, 385 mm | 2 | 4.905-019.0 | Rất mềm, để làm sạch các bề mặt nhạy cảm và để đánh bóng. | □ |
| Bàn chải đĩa, Mềm mại, Trắng tự nhiên, 385 mm | 3 | 4.905-020.0 | Làm bằng sợi tự nhiên, để làm sạch bằng phun và để đánh bóng. | □ |
| Bàn chải đĩa, Cứng, Đen, 385 mm | 4 | 4.905-021.0 | Bàn chải đĩa, cứng, màu đen, đường kính 385 mm. Đối với bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Chỉ dành cho sàn cách điện. Lông: Grit Tynex 180, dày 1mm, dài 41mm. | □ |
| **ĐẦU BÀN CHẢI** | | | | |
| Đầu bàn chải D 75 S | 5 | 2.763-005.0 | Đầu chổi được gắn hai đĩa giúp chải nhanh, có độ rộng 75cm. Có thể điều chỉnh độ cao của tấm chắn. Do đó mực nước nên dưới đầu chổi. Cần làm sạch chổi cũng như trong vòng quay. Đầu chổi cần được gỡ tách biệt. | ■ |
| **MIẾNG LAU RỬA** | | | | |
| Bộ điều chỉnh, lưỡi hút cho đầu bàn chải | 6 | 2.763-031.0 | Lưỡi gạt nổi thích ứng với bề mặt. Phù hợp với D 90, D 75 và D 65. | □ |
| **THANH HÚT VÀ CHỔI CAO SU** | | | | |
| **Chổi cao su, hoàn chỉnh** | | | | |
| Thanh hút parabolic 950mm/37in, 950 mm, parabolic | 7 | 4.778-007.0 | Bàn gạt hình parabol, mạnh mẽ được làm từ nhôm với chiều rộng hút 950 mm và khớp nối nhanh. Mang lại kết quả hút và làm khô tuyệt vời. Thay đổi môi hút không cần dụng cụ. | ■ |
| Chổi cao su chữ V, 1100 mm, hình V | 8 | 4.777-081.0 | Với con lăn hỗ trợ có thể điều chỉnh và mức tinh để điều chỉnh chính xác: chổi cao su hình chữ V, dài 1.100 mm. Môi hút được làm từ polyurethane mạnh mẽ, chống dầu và trong suốt. | □ |
| Chổi cao su, thẳng, 940 mm, thẳng | 9 | 4.777-402.0 | Chổi thẳng được gắn con lăn hỗ trợ, 940mm. Chổi được làm từ nhựa polyurethane cứng, có rãnh và khả năng chống dầu, phù hợp cho mọi loại sàn tiêu chuẩn. Trọng lượng được thêm vào để đảm bảo áp suất tiếp xúc đồng bộ. | □ |
| **Chổi cao su cho thanh hút** | | | | |
| Lưỡi hút chữ V, Chống dầu, có rãnh, 1222 mm | 10 | 6.273-025.0 | Bộ phận lưỡi hút được làm từ polyurethane trong suốt, chắc chắn với cấu trúc gấp mép cho chổi hình chữ V dài 1.100 mm. Đặc tính trượt ấn tượng trên tất cả các tầng. | □ |
| Lưỡi hút, Chống dầu, có rãnh, 960 mm | 11 | 6.273-208.0 | Bộ lưỡi gạt bao gồm lưỡi gạt trước và sau, 960 mm. Lưỡi gạt có rãnh bằng polyurethane trong suốt, chịu dầu, bền. Đối với tất cả các sàn tiêu chuẩn. | □ |
| | 12 | 6.273-205.0 | Bộ lưỡi gạt bao gồm lưỡi gạt trước và sau, 960 mm. Lưỡi gạt có rãnh bằng polyurethane trong suốt, chịu dầu, bền. Đối với sàn nhạy cảm. | □ |
| Lưỡi hút, Chống dầu, kín, 960 mm | 13 | 6.273-291.0 | Khép kín, chịu dầu, dành cho sàn có kết cấu. | □ |
| Lưỡi hút, 960 mm | 14 | 6.273-214.0 | Bộ lưỡi gạt bao gồm lưỡi gạt trước và sau, 960 mm. Lưỡi gạt cao su tự nhiên mềm có rãnh. Đối với tất cả các sàn tiêu chuẩn. | □ |

■ Có bao gồm khi giao hàng □ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO B 150 R + D 75
# 1.246-020.2


15


16


17


18


19


20

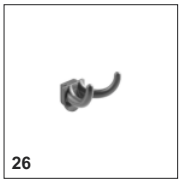

21


22


23


24


25


26


27

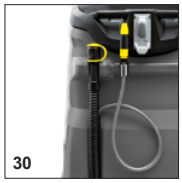

28

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **PHỤ KIỆN KHÁC CHO BR/ BD** | | | | |
| **Khác** | | | | |
| Phím KIK, màu vàng | 15 | 5.035-344.0 | Khóa người dùng để sử dụng thiết bị | ■ |
| Phím KIK, màu xám | 16 | 5.035-348.0 | Phím giám sát để sử dụng thiết bị | ■ |
| Ống chiết rót | 17 | 6.680-124.0 | Ống chiết rót 1.500 mm để dễ dàng đổ đầy thiết bị từ vòi nước. Với khớp nối côn phổ quát cho tất cả các vòi tiêu chuẩn. | □ |
| Phím KIK, màu trắng | 18 | 4.035-076.0 | Khóa người dùng để sử dụng thiết bị có thể lập trình được | □ |
| Bộ chìa khóa KIK, màu vàng | 19 | 4.035-408.0 | Chìa khóa cho các nhà khai thác. Không thể điều chỉnh. | □ |
| Bộ chìa khóa KIK, màu trắng | 20 | 4.035-064.0 | 5 chiếc chìa khóa màu trắng có móc khóa. Mỗi phím có thể được đặt trước riêng lẻ bằng phím màu xám được cung cấp kèm theo máy. Điều này có nghĩa là các thông số máy luôn giống nhau. Móc khóa giúp xác định chìa khóa. Điều này cho phép các thông số được thiết lập để làm sạch vào mùa hè hoặc mùa đông, nắng hoặc mưa, trên sàn nhạy cảm và khó mài mòn hoặc trong xưởng và phòng trưng bày. | □ |
| **Bánh xe/lốp xe** | | | | |
| Bánh sau, kẹp chặt | 21 | 6.438-010.0 | Để cải thiện độ bám đường và tăng độ an toàn, cũng như khi vào cua và ở những khúc cua, bánh sau chống thấm dầu này phù hợp với máy chà sàn liên hợp khi đi xe B 150 R. (Bạn cần 2 bánh sau). | □ |
| Bánh trước kẹp chặt | 22 | 6.435-810.0 | Sự kết hợp giữa hợp chất lốp đặc biệt và hình chữ V của các dải bánh trước chống dầu này giúp tăng khả năng bám đường và đảm bảo đặc tính bám dính rất tốt trên sàn trơn trượt. | □ |
| **Phụ kiện làm sạch trong nhà** | | | | |
| Bộ điều hợp Homebase | 23 | 5.035-488.0 | Chốt cho các móc và kẹp khác nhau trên máy. | □ |
| Giá đựng bộ lau Homebase | 24 | 4.035-514.0 | Giá đỡ phù hợp với máy để cất giữ cây lau nhà thuận tiện. | □ |
| Bộ móc đa năng | 25 | 4.070-075.0 | Bộ dụng cụ móc và bộ chuyển đổi để gắn vào máy chà sàn liên hợp Home Base của Kärcher. Lý tưởng để tiết kiệm không gian lưu trữ các ống mềm (ví dụ: bộ phụ kiện hút phun) trên máy. | □ |
| Móc đôi | 26 | 6.980-077.0 | Móc đôi để gắn túi đựng rác, ... vào máy. Chỉ để sử dụng với bộ điều hợp Homebase 5.035-488.0. | □ |
| Giữ tay cầm màu xám | 27 | 6.980-078.0 | Kẹp lau để gắn cây lau nhà vào máy. Chỉ để sử dụng với bộ điều hợp Homebase 5.035-488.0. | □ |
| Hộp đựng chai | 28 | 6.980-080.0 | Thích hợp để vận chuyển bình xịt – chỉ khi kết hợp với bộ chuyển đổi Home Base 5.035-488.0. | □ |

■ Có bao gồm khi giao hàng □ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO B 150 R + D 75
# 1.246-020.2


29


30

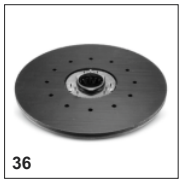

31


32


33

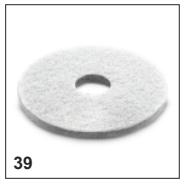

34

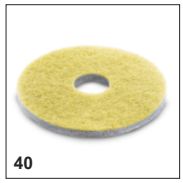

35


36


37


38


39


40


41


42

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **PHỤ KIỆN KHÁC CHO BR/ BD** | | | | |
| **Phụ kiện làm sạch trong nhà** | | | | |
| Bộ hộp dụng cụ Homebase | 29 | 4.035-406.0 | Bộ Hộp cung cấp đủ không gian cho ba chai đựng chất tẩy rửa cùng với vải, dụng cụ cạo, túi đựng rác dự phòng, găng tay, v.v. | ☐ |
| Hệ thống rửa thủ công | 30 | 4.035-515.0 | Cho phép rửa bể bằng nước ngọt trên tàu. Bao gồm vòi, vòi xịt và móc treo vòi. | ☐ |
| **Dosing aids** | | | | |
| Trạm định lượng chất làm sạch DS 3 | 31 | 2.641-811.0 | Sau khi kết nối với vòi, chất làm sạch có thể được đổ đầy vào bể nước ngọt và pha loãng theo yêu cầu. Cũng có thể được sử dụng với bộ phụ kiện hệ thống chiết rót. Bao gồm bộ ngăn dòng chảy ngược (DIN EN 1717). | ☐ |
| **ĐỆM ĐĨA/ BĂNG DẪN ĐỘNG ĐỆM** | | | | |
| **Đệm vi sợi** | | | | |
| Miếng pad Microfibre, Trắng, 381 mm, 5 Unit | 32 | 6.371-078.0 | 5 miếng pad Microfibre, màu trắng có lỗ ở giữa, đường kính 381 mm. Sức mạnh làm sạch tuyệt vời. Đồng thời làm sạch hiệu quả gạch đá mỹ nghệ. Thích hợp cho, ví dụ: D 75, BD 75/140 R và BD 40/25 C. | ☐ |
| **Đệm** | | | | |
| Pad, mềm trung bình, Đỏ, 381 mm, 5 Unit | 33 | 6.369-791.0 | 5 miếng pad, mềm vừa, màu đỏ, đường kính 381 mm. Để làm sạch tất cả các sàn. Thích hợp cho, ví dụ: D 75. | ☐ |
| Pad, cứng trung bình, Xanh lá, 381 mm, 5 Unit | 34 | 6.369-790.0 | 5 miếng pad, cứng trung bình, màu xanh lục, đường kính 457 mm. Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Thích hợp cho, ví dụ: D 75. | ☐ |
| Pad, Cứng, Đen, 381 mm, 5 Unit | 35 | 6.369-789.0 | 5 miếng pad, cứng, màu đen, đường kính 381 mm. Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Thích hợp cho, ví dụ: D 75. | ☐ |
| **Bảng dẫn động đệm** | | | | |
| Bo mạch ổ đĩa STRONG, 375 mm | 36 | 4.762-591.0 | Bắt buộc để sử dụng miếng pad melamine, nhưng cũng có thể được sử dụng cho miếng pad thông thường. Bảng ổ đĩa pad với nhiều móc phụ để giữ miếng pad. Giữ miếng pad cực kỳ chắc chắn ở bảng ổ đĩa pad của đầu làm sạch D 75. 2 pc. cần thiết. | ☐ |
| Bảng ổ đĩa pad, 375 mm | 37 | 4.762-447.0 | Tấm điều khiển pad để làm sạch bằng miếng pad, đường kính 335 mm. Với khớp nối thay đổi nhanh chóng, tấm móc và khóa trung tâm. Thích hợp cho, ví dụ: D 75. | ☐ |
| **Pad kim cương** | | | | |
| Diamond pad green set 2x Ø381 15", Mềm, Xanh lá, 381 mm, 2 Unit | 38 | 6.944-027.0 | | ☐ |
| Miếng kim cương, Thô, Trắng, 385 mm, 5 Unit | 39 | 6.371-252.0 | Để làm sạch / phục hồi thô. Loại bỏ các vết xước nhỏ, cho bề mặt sạch, bóng mịn. Để chuẩn bị bề mặt trước khi sử dụng miếng pad màu vàng. Cũng thích hợp như một tấm kết tinh cho quá trình kết tinh cơ bản. | ☐ |
| Miếng kim cương, trung bình, Vàng, 385 mm, 5 Unit | 40 | 6.371-253.0 | Để làm sạch / phục hồi thô. Loại bỏ các vết xước nhỏ để có bề mặt đồng nhất và sáng bóng hơn. Để chuẩn bị bề mặt trước khi sử dụng miếng kim cương xanh. Cũng thích hợp như một tấm kết tinh để kết tinh có độ bóng cao. | ☐ |
| Miếng kim cương, Mềm, Xanh lá, 385 mm, 5 Unit | 41 | 6.371-236.0 | Để dễ dàng đánh bóng sàn nhiều lớp, đá mài và bề mặt đá tự nhiên. Để vệ sinh bảo dưỡng sau khi sử dụng miếng lót màu trắng và vàng. Là một tấm kết tinh để kết tinh có độ bóng cao. | ☐ |
| **BỘ DỤNG CỤ** | | | | |
| **Fleet mounting kit** | | | | |
| Add-on kit | 42 | 2.644-391.0 | | ☐ |

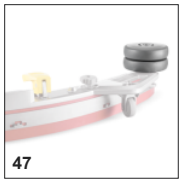
☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO B 150 R + D 75
# 1.246-020.2


43


44


46


47


48


49


50


51


52–53


54

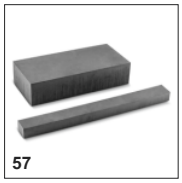

55


56

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **BỘ DỤNG CỤ** | | | | |
| **Fleet mounting kit** | | | | |
| Machine Connect Module add-on kit NG | 43 | 2.644-592.0 | | ☐ |
| **Lighting/RKL mounting kit** | | | | |
| Đèn làm việc (sản xuất từ tháng 8/2018 trở đi) | 44 | 2.034-001.0 | Đèn làm việc nâng cao độ an toàn khi làm việc. Với đèn chiếu sáng phía trước và biên trên đầu cọ. | ☐ |
| Add-on kit spotlight blue B150R NG | 45 | 2.644-502.0 | | ☐ |
| Đèn hiệu nhấp nháy | 46 | 4.035-516.0 | Tăng độ an toàn khi làm việc. | ☐ |
| **Bộ phụ tùng khác** | | | | |
| Bộ làm lệch hướng cuộn có thể xếp chồng lên nhau | 47 | 2.644-225.0 | | ☐ |
| Lá chắn bảo vệ B150R / B200R | 48 | 2.644-089.0 | Kết cấu thép chắc chắn. Phù hợp với IEC 60335-2-72. | ☐ |
| Phụ kiện ống hút | 49 | 4.444-015.0 | Để hút nước ra khỏi các góc hoặc thùng chứa (ví dụ: tủ đông). | ☐ |
| Tự động làm đầy | 50 | 4.035-345.0 | Hệ thống chiết rót tự động. Cấp nước tự động ngừng khi các bồn chứa đầy. Với tràn an toàn. | ☐ |
| **Bộ dụng cụ lắp ráp hút phun** | | | | |
| Bộ phụ kiện hút phun | 51 | 2.642-058.0 | Đơn giản hóa việc làm sạch các khu vực máy móc không thể tiếp cận. | ☐ |
| **PIN KÉO VÀ BỘ SẠC** | | | | |
| **Ắc quy** | | | | |
| Bộ pin, 36 V, 240 Ah, Bảo dưỡng thấp | 52 | 2.815-107.0 | Pin ướt ít bảo dưỡng trong khay. Điện áp 36 V, dung lượng 240 Ah (C5). | ☐ |
| Bộ pin, 36 V, 180 Ah, Bảo dưỡng thấp | 53 | 2.815-106.0 | Pin ướt ít bảo dưỡng trong khay. Điện áp 36 V, dung lượng 180 Ah (C5). | ☐ |
| Bộ pin, 36 V, 240 Ah, Không bảo dưỡng | 54 | 2.815-105.0 | Bộ pin có điện áp 36 V và dung lượng 240 Ah (C5). Bao gồm một số pin gel đơn không cần bảo dưỡng. | ☐ |
| Bộ pin, 36 V, 180 Ah, Không bảo dưỡng | 55 | 2.815-104.0 | Bộ pin có điện áp 36 V và dung lượng 180 Ah (C5). Bao gồm một số pin gel đơn không cần bảo dưỡng. | ☐ |
| Bộ pin, 36 V, 285 Ah, Không bảo dưỡng | 56 | 2.815-114.0 | Bộ pin có điện áp 36 V và dung lượng 285 Ah (C5). Bao gồm một số pin AGM đơn không cần bảo trì. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO B 150 R + D 75
# 1.246-020.2



















| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **PIN KÉO VÀ BỘ SẠC** | | | | |
| **Phụ kiện cho ắc quy** | | | | |
| Bộ lắp pin | 57 | 2.638-032.0 | Bộ công cụ lắp đặt bộ pin vào máy. Bao gồm 2 dấu ngoặc. | ☐ |
| | 58 | 2.638-136.0 | Bộ công cụ lắp đặt bộ pin vào máy. Bao gồm 2 chân đế và 5 cáp kết nối. | ☐ |
| | 59 | 2.638-143.0 | Bộ công cụ lắp đặt bộ pin vào máy. Bao gồm 5 cáp kết nối và 2 giá đỡ. | ☐ |
| | 60 | 2.638-161.0 | Bộ công cụ lắp đặt bộ pin vào máy. Bao gồm 5 cáp kết nối. | ☐ |
| Hộp có giá treo tường | 61 | 2.641-243.0 | Hệ thống cung cấp để sạc pin ướt, pin có thể được làm đầy dễ dàng, tiết kiệm thời gian. Gắn hộp cao 4 mét. | ☐ |
| Cái hộp | 62 | 2.641-244.0 | | ☐ |
| **MÁY GIẶT THẢM** | | | | |
| **Khác** | | | | |
| Hộp đựng chất làm sạch, hoàn chỉnh | 63 | 4.070-006.0 | Bộ dụng cụ bao gồm hộp đựng chất làm sạch và bộ chuyển đổi Home Base. Để kết nối rãnh Home Base. | ☐ |
| **ĐƠN VỊ PHUN** | | | | |
| Bình bơm xịt | 64 | 6.394-409.0 | Bình xịt dạng bơm 1 lít – bao gồm bơm và bình tích áp – dễ dàng, phun đều để làm sạch hoặc kết tinh. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng